Ký bởi: UBND tỉnh Điện Biên

| | |
|---|---|
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐIỆN BIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 95/2026/QĐ-UBND | *Điện Biên, ngày 12 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;*

*Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định một số nội dung thực hiện Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định một số nội dung tại khoản 4 Điều 12; khoản 3 Điều 13; các điểm a, b khoản 3 Điều 15; các điểm g, k khoản 2 Điều 18; khoản 5 Điều 20; khoản 3 Điều 26 và khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đơn vị dự toán cấp I được Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã giao dự toán.

2. Đơn vị sử dụng ngân sách được giao trực tiếp quản lý, sử dụng ngân sách.

3. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương.

4. Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan tài chính cấp xã; Kho bạc Nhà nước khu vực và các phòng giao dịch Kho bạc Nhà nước ở địa phương.

5. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách**

1. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước về Sở Tài chính, chậm nhất ngày 15 tháng 6 hằng năm.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách gửi báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của quỹ về Sở Tài chính, chậm nhất ngày 15 tháng 6 hằng năm.

**Điều 4. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I**

Đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách, gồm:

1. Biểu số liệu phân bổ chi sự nghiệp (đối với lĩnh vực đơn vị giao dự toán theo các Mẫu biểu số 37.1 đến biểu 45.1, từ biểu 45.3 đến biểu 46.4 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC).

2. Các tài liệu thuyết minh có liên quan làm cơ sở xác định số kinh phí được phân bổ cho từng đơn vị sử dụng ngân sách.

3. Các bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt; văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung (nếu có) sau thời điểm lập dự toán.

**Điều 5. Mức rút dự toán chi bổ sung cân đối, chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã**

1. Chi bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách cấp xã, cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước; mức rút tối đa hằng tháng, về nguyên tắc, không vượt quá 1/12 tổng mức bổ sung cân đối cả năm. Riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, căn cứ chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính cấp xã thực hiện rút dự toán tại

Kho bạc Nhà nước, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ. Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả cho ngân sách tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư 26/2026/TT-BTC.

**Điều 6. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã**

Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã năm trước theo Mẫu biểu số 01 ban hành kèm theo Quyết định này gửi Sở Tài chính, chậm nhất ngày 28 tháng 2 hằng năm.

**Điều 7. Thời hạn và mẫu biểu báo cáo trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 62 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15**

1. Định kỳ hằng quý, cơ quan tài chính cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã và Sở Tài chính tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo các Mẫu biểu số 02, 03, 04 ban hành kèm theo Quyết định này, chậm nhất ngày 05 của tháng đầu tiên của quý sau.

2. Định kỳ hằng quý, cơ quan tài chính cấp xã báo cáo Sở Tài chính về tình hình sử dụng các khoản bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp xã theo Mẫu biểu số 05 ban hành kèm theo Quyết định này, chậm nhất ngày 05 của tháng đầu tiên của quý sau.

3. Định kỳ hằng quý, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo các Mẫu biểu số 54, 55, 56.1, 56.2 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC, chậm nhất ngày 07 của tháng đầu tiên của quý sau.

**Điều 8. Thời gian gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp ở địa phương cho cơ quan tài chính**

1. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã gửi báo cáo quyết toán cho cơ quan tài chính cấp xã, chậm nhất ngày 20 tháng 02 năm sau.

2. Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách tỉnh gửi báo cáo quyết toán ngân sách cho Sở Tài chính, chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm sau.

**Điều 9. Báo cáo công khai ngân sách của đơn vị dự toán ngân sách ở địa phương và của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách thực hiện báo cáo công khai gửi đơn vị dự toán ngân sách cấp trên cùng thời điểm công bố công khai theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 26/2026/TT-BTC

2. Các đơn vị dự toán cấp I thực hiện báo cáo công khai gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Ủy ban nhân dân cùng cấp cùng thời điểm công bố công khai theo quy định tại Điều 27 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện báo cáo công khai gửi Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng thời điểm công bố công khai theo quy định tại Điều 26 Thông tư số 26/2026/TT-BTC.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Cục KTVB và TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Như Điều 10;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Điện Biên;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**




**Lò Văn Cương**